

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tháng 04 năm 2026



MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Quy tắc đạo đức kinh doanh.....	3
CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	3
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	3
Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	4
Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	10
Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến.....	12
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	15
Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị).	15
Điều 8. Ủy ban Kiểm toán	21
Điều 9. Tổng Giám đốc	23
Điều 10. Phối hợp hoạt động.....	24
Điều 11. Hiệu lực thi hành.....	28

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1.1. **Phạm vi điều chỉnh:** Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
- 1.2. **Đối tượng áp dụng:** Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Quy tắc đạo đức kinh doanh

Trên cơ sở nguyên tắc tôn trọng đạo đức kinh doanh, Công ty xác định các quy tắc đạo đức kinh doanh như sau:

- 2.1. Quy tắc đạo đức kinh doanh (hay còn gọi là “Quy tắc ứng xử”) của Công ty là định hướng cơ bản về cách ứng xử, nói lên trách nhiệm và bổn phận của tất cả thành viên công ty đối với các mối tương tác trong quá trình hoạt động trên cơ sở giá trị cốt lõi nền tảng của Công ty.
- 2.2. Xác lập và thực thi Quy tắc ứng xử tại Công ty

Bộ quy tắc ứng xử được Ban Tổng Giám đốc Công ty xây dựng, thông qua và tổ chức thực hiện. Bộ quy tắc ứng xử có nội dung đúc kết dựa trên các giá trị cốt lõi từ những con người Digeworld, và được phổ biến đến toàn thể nhân viên thấu hiểu và hành động theo các nguyên tắc được quy định.

CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

- 3.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông bao gồm tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công Ty.

Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (1) lần. Địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại Hội Đồng Cổ Đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (4) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 3.2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán;
- k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

4.1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Hội Đồng Quản Trị tổ chức triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

4.2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp:

Người triệu tập ĐHQĐĐ phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

4.3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

4.4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ Đông bằng phương thức bảo đảm đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, trên website của Công Ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư.

4.5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp):

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ Đông hoặc/và đăng trên website của Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ các tài liệu họp để các Cổ Đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông theo quy định tại này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công Ty ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên Cổ Đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

4.6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

- Cổ Đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số Đại Diện Theo Ủy Quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ; trường hợp có nhiều hơn một Đại Diện Theo Ủy Quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi Đại Diện Theo Ủy Quyền. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi Đại Diện Theo Ủy Quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công Ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của Cổ Đông;
 - Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký Cổ Đông tại Công Ty;
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Đại Diện Theo Ủy Quyền;
 - Số cổ phần được ủy quyền đại diện;
 - Thời hạn thực hiện đại diện; và
 - Họ, tên, chữ ký của Đại Diện Theo Ủy Quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông.
- Các Cổ Đông có quyền tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một Người Được Ủy Quyền Dự Họp được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi Người Được Ủy Quyền Dự Họp. Người Được Ủy Quyền Dự Họp không nhất thiết phải là Cổ Đông của Công Ty.
- Việc ủy quyền cho Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải lập thành văn bản và phải có chữ ký. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
 Người được ủy quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty)
- Phiếu biểu quyết của Người Được Ủy Quyền Dự Họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền; hoặc
 - Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của Người Được Ủy Quyền Dự Họp.
- e) Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty)

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện trên chậm nhất hai mươi bốn (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

4.7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

4.8. Điều kiện tiến hành:

- a) Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được coi là hợp lệ khi có số Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Họp đại diện 50% tổng số phiếu biểu quyết của Công Ty tham dự.
- b) Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo điểm a khoản này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được triệu tập lại chỉ được coi là hợp lệ khi có thành viên tham dự là các Cổ Đông và những Người Được Ủy Quyền Dự Họp đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty.
- c) Trường hợp cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo điểm b khoản này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ hai, và trong trường hợp này cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ Đông hay Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ nhất.
- d) Theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp, Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều Lệ.

4.9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

- a) Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản.
- b) Các quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông:
 - Thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
 - Thông qua báo cáo thường niên
 - Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị công ty và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị
 - Thông qua kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công Ty; và
 - Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm, thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị.

4.10. Cách thức bỏ phiếu:

ĐHĐCĐ thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

a) Biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp:

Công ty sẽ phát cho từng cổ đông một phiếu biểu quyết có số đăng ký và tên của cổ đông (hoặc tên người ủy quyền), cùng với số cổ phần biểu quyết của cổ đông đó. Phiếu biểu quyết thông qua quyết định sẽ được kiểm trước, các phiếu không thông qua sẽ được kiểm sau.

Việc biểu quyết và kiểm phiếu có thể được thực hiện bằng phần mềm máy tính. Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ bầu ra sẽ chịu trách nhiệm tiến hành kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ

b) Thông qua các quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Trong trường hợp ĐHĐCĐ thông qua các quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, HĐQT phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

(i) Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung sau:

- + Tên, địa chỉ của trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty
- + Mục đích lấy ý kiến
- + Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân/hộ chiếu/chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.
- + Vấn đề cần lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo
- + Thời hạn để gửi ý kiến cho công ty
- + Phương án biểu quyết 'đồng ý', 'không đồng ý', 'không có ý kiến'
- + Họ tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của công ty

(ii) Gửi phiếu lấy ý kiến cùng với các tài liệu khác có liên quan cho tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết

(iii) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức

(iv) Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được để trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ

4.11. Cách thức kiểm phiếu

HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của UBKT hoặc cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý trong công ty; Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu, liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

4.12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:

Quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Được số Cổ Đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ Đông tham dự và biểu quyết tán thành, ngoại trừ các trường hợp nêu tại điểm (b) và điểm (c) dưới đây.
- b) Các quyết định về các vấn đề sau đây được thông qua khi được số Cổ Đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số biểu quyết của tất cả các Cổ Đông tham dự và biểu quyết tán thành:
 - (i) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - (ii) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - (iii) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;
 - (iv) Dự án đầu tư, giao dịch bán tài sản hoặc giao dịch mua do Công Ty thực hiện, có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất; và
 - (v) Tổ chức lại, giải thể Công Ty.
- c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị, và Cổ Đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cần bầu cuối cùng, Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ tiến hành bầu tiếp trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc quyết định lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế Bầu cử.

Điều kiện thông qua các nghị quyết ĐHĐCĐ được quy định chi tiết tại Điều 20 và Điều 21 Điều lệ Công ty.

4.13. Thông báo kết quả kiểm phiếu;

- a) Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của công ty trong vòng 24 giờ kể từ khi ban hành.
- b) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty

4.14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp);

- a) Trong Đại hội, cổ đông có thể công khai phát biểu không đồng ý và sử dụng phiếu để biểu quyết không tán thành, hoặc có thể không tham gia biểu quyết.
Tuy nhiên sau khi ĐHĐCĐ đã biểu quyết thì phải tuân thủ kết quả biểu quyết của ĐHĐCĐ
- b) Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông/ nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng, thành viên HĐQT, Tổng

Giám đốc, thành viên UBKT có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong cáo trạng hợp sau đây:

- Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc điều lệ công ty.

4.15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Trách nhiệm lập biên bản họp ĐHĐCĐ thuộc về Thư ký lập biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ Công ty. Chủ tọa và Thư ký lập biên bản ĐHĐCĐ phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Ngoài ra, biên bản họp ĐHĐCĐ còn phải tuân thủ những yêu cầu như sau:

- a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;
 - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- b) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- c) Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
- d) Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc.

- e) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

4.16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- a) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc;
- b) Việc công bố thông tin được gửi cho Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh bằng thư điện tử và gửi chuyển phát nhanh qua bưu điện đồng thời phải công bố thông tin trên trang website của công ty. Việc công bố thông tin phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải do Đại diện pháp luật của công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của công ty thực hiện. Đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Thông tin đã công bố phải được bảo quản, lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

5.1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

- a) Hội Đồng Cổ Đông có thể thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định tại điều 14 Điều lệ Công ty.
- b) Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- c) Quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản được thông qua khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điều Lệ.

5.2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- a) Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.
- b) Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng Cổ Đông. Hội Đồng Quản Trị phải đảm bảo gửi và công bố tài liệu cho các Cổ Đông trong một thời gian hợp lý để các Cổ Đông xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
- c) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công Ty;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ Đông

hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - Thời hạn phải gửi về Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; và
 - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
- d) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công Ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

- e) Hội Đồng Quản Trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự có mặt của Người phụ trách Quản trị Công ty hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Số Cổ Đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- Các quyết định đã được thông qua; và
- Họ, tên, chữ ký của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công Ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội Đồng Quản Trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- f) Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công Ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ làm việc, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- g) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
- h) Các quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản được thông qua khi các Cổ Đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành. Quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

6.1. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết, trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:

- a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- d) Điều kiện tiến hành;
- e) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- f) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;
- g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;
- h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- j) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

6.2. Cách thức đăng ký dự họp ĐHĐCĐ

- a) Cổ đông tham dự Đại hội phải đăng ký theo hình thức sau: Đăng ký trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến, tại Mục Đăng ký kể từ thời điểm Hệ thống mở cho phép đăng ký đến trước thời gian kết thúc biểu quyết. Thời điểm này được Thông báo cho Cổ đông trước trong Thông báo mời họp hoặc bằng các hình thức phù hợp để cổ đông được biết và thực hiện.
- b) Khi thực hiện đăng ký trên Hệ thống ĐHĐCĐ, Cổ đông phải kê khai đầy đủ các thông tin gồm có:
 - Thông tin cá nhân, giấy tờ tùy thân phù hợp với thông tin đã được đăng ký tại TTLKCK;
 - Hình thức dự họp và bỏ phiếu;
 - Phương thức nhận xác thực OTP;
 - Nghiên cứu kỹ các Điều khoản và Điều kiện và xác nhận đã đọc, hiểu và đồng ý với Điều khoản và Điều kiện này;
 - Kê khai các thông tin cần thiết khác theo yêu cầu nhằm đảm bảo cho Công ty nhận diện đúng Cổ đông/Người được ủy quyền tham dự Đại hội.
- c) Ngay sau khi đăng ký thành công trên Hệ thống ĐHĐCĐ, Công ty sẽ gửi cho Cổ đông/Người được ủy quyền thông tin đăng nhập gồm tên đăng nhập và mật khẩu qua email Cổ đông/Người được ủy quyền đã đăng ký trên Hệ thống ĐHĐCĐ, và Cổ đông/Người được ủy quyền sử dụng thông tin này để truy cập vào Hệ thống ĐHĐCĐ, thực hiện các quyền biểu quyết, họp trực tuyến và các quyền khác (nếu có).
- d) Cổ đông/Người được ủy quyền cần theo dõi thường xuyên các email được gửi về, để có thông tin tham dự họp và biểu quyết. Cổ đông/Người được ủy quyền chỉ được thay đổi các nội dung đã đăng ký trên Hệ thống ĐHĐCĐ một lần. Người được ủy quyền không được thay đổi thông tin liên quan đến Cổ đông ủy quyền và thông tin Người được ủy quyền đã cung cấp trên Hệ thống ĐHĐCĐ.

6.3. Việc ủy quyền cho Người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến

- a) Việc ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến được thực hiện theo quy định như tham dự Đại hội trực tiếp.
- b) Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền về số điện thoại, địa chỉ liên lạc và email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.
- c) Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước thời điểm Đại hội được khai mạc chính thức. Cổ đông có thể ủy quyền cho cá nhân/tổ chức khác hoặc thành viên HĐQT tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến bằng một trong các cách thức sau:
 - (i) Tái mẫu Giấy ủy quyền từ website Công ty điền đầy đủ các thông tin sau:
 - + Thông tin cổ đông ủy quyền;
 - + Thông tin người được ủy quyền: tên đầy đủ của cá nhân, tổ chức, thông tin số đăng ký sở hữu (gồm CCCD/GCNĐKDN/Mã số giao dịch hoặc giấy tờ pháp lý tương đương);
 - + Số lượng cổ phần được ủy quyền;
 - + Chữ ký, đóng dấu (nếu là tổ chức) của cổ đông ủy quyền và người được ủy quyền (trừ trường hợp ủy quyền cho thành viên HĐQT).
 - (ii) Văn bản ủy quyền gửi về Công ty theo hình thức và địa chỉ trong Thư mời họp chậm nhất vào trước thời điểm khai mạc Đại hội;

6.4. Xác định điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

- a) Cổ đông/Người được ủy quyền được coi là tham dự Đại hội hợp lệ, đầy đủ khi thực hiện theo một trong các hình thức sau:
 - (i) Tham dự họp trực tuyến: đã đăng nhập trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến, có xác thực OTP, ekyc trong thời gian diễn ra Đại hội đến thời điểm kết thúc biểu quyết.
 - (ii) Trường hợp Cổ đông đã đăng nhập nhưng không biểu quyết tính đến hết thời điểm biểu quyết, Cổ đông vẫn được tính là đã tham dự họp và được xem là hoàn toàn tán thành với trình tự, thủ tục, nội dung cuộc họp, kết quả biểu quyết, và biên bản họp.
 - (iii) Bỏ phiếu từ xa: đã gửi Phiếu biểu quyết đến Công ty theo phương thức gửi thư, thư điện tử, fax, hoặc gửi trực tiếp đến Công ty theo thời gian xác định trên Thư mời họp. Tại thời điểm kiểm tra tư cách tham dự Đại hội, Phiếu biểu quyết gửi về theo hình thức từ xa của Cổ đông sẽ được mở để xác định Cổ đông tham dự họp.
 - (iv) Bỏ phiếu điện tử: đã thực hiện biểu quyết trên Hệ thống ĐHĐCĐ.
- b) Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện 50% tổng số phiếu biểu quyết của Công Ty tham dự.
- c) Ban kiểm tra tư cách cổ đông xác định tỷ lệ tham dự họp làm căn cứ để ĐHĐCĐ tiến hành cuộc họp cũng như xác định tỷ lệ biểu quyết dựa trên tổng số cổ đông tham dự theo quy định tại Điều này.
- d) Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - (i) Đường truyền của hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự của các cổ đông không bị ảnh hưởng gián đoạn. Trường hợp việc tổ chức

Đại hội tại địa điểm chính bị gián đoạn thì Ban tổ chức Đại hội phải tóm tắt lại diễn biến phần gián đoạn đó;

- (ii) Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến.
- (iii) Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào hệ thống.
- (iv) Dữ liệu điện tử của chương trình đại hội trực tuyến phải được lưu giữ, trích xuất được từ hệ thống

6.5. Trình tự, thể thức tiến hành ĐHĐCĐ trực tuyến

- a) Việc triệu tập, lập Danh sách cổ đông, gửi thư mời họp và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều lệ và Quy chế Quản trị nội bộ công ty và pháp luật.
- b) Thể thức tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử được thực hiện theo quy định tại Quy chế này. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng Quản trị ban hành các hướng dẫn để phù hợp với những thay đổi công nghệ và an toàn bảo mật nhưng không trái với các nguyên tắc của Quy chế này.
- c) Trường hợp có sự cố kỹ thuật ảnh hưởng việc tham dự liên tục Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, cổ đông liên hệ Công ty theo hướng dẫn được thông báo tại Thông báo mời họp hoặc do Ban Tổ chức Đại hội công bố trong thời gian diễn ra Đại hội trực tuyến để được hỗ trợ.
- d) Chủ tọa điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ, trình bày hoặc chỉ định người khác trình bày các vấn đề trong chương trình họp. Tùy theo quyết định của Chủ tọa, thứ tự trình bày các Tờ trình có thể thay đổi để phù hợp với diễn biến cuộc họp.
- e) Công ty sẽ bố trí đầy đủ các thiết bị truyền hình, thu phát sóng, để truyền tải nội dung của cuộc họp đến Cổ đông trên Hệ thống ĐHĐCĐ. Trường hợp Hệ thống ĐHĐCĐ bị gián đoạn, Chủ tọa sẽ tóm tắt lại nội dung bị gián đoạn để Cổ đông tham dự nắm được thông tin. Đồng thời, Công ty cũng sẽ bố trí các thiết bị dự phòng, để Cổ đông có thể theo dõi liên tục Đại hội.
- f) Cổ đông dự họp trực tuyến truy cập vào Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến theo thông tin tài khoản của Cổ đông. Thiết bị điện tử của Cổ đông sẽ xuất hiện màn hình họp, và Cổ đông theo dõi cuộc họp tại màn hình này.
- g) Cổ đông chỉ đăng nhập được màn hình họp trực tuyến kể từ thời điểm Hệ thống mở cửa cho phép đăng nhập theo Thông báo trước đó của Công ty hoặc tại thời điểm khác theo quyết định của Chủ tọa.
- h) Cổ đông tham khảo Tài liệu họp đã được cung cấp trên Hệ thống ĐHĐCĐ hoặc công bố thông tin theo quy định trên website Công ty.

6.6. Thảo luận tại Đại hội

- a) Việc thảo luận được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình họp đã được thông qua. Nội dung thảo luận không được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân và không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- b) Cổ đông có ý kiến phát biểu, thảo luận, đặt câu hỏi, thực hiện theo hình thức đặt câu hỏi tại Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến khi tham dự họp trực tiếp. Thứ tự cuộc họp sẽ sắp xếp, tổng hợp các câu hỏi của Cổ đông và chuyển cho Chủ tọa.

6.7. Cách thức biểu quyết tại ĐHĐCĐ trực tuyến

Cổ đông/Người được ủy quyền biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến chọn Mục Bỏ Phiếu và thực hiện biểu quyết các nội dung theo Khoản 4.9 Điều 4 Quy chế này. Việc bỏ phiếu điện tử có thể thực hiện ngay sau khi Cổ đông/Người được ủy quyền đã đăng ký dự họp trực tuyến và đăng nhập thành công hoặc có thể thực hiện tại mỗi thời điểm phát sinh nội dung biểu quyết khi theo dõi cuộc họp trực tuyến. Cổ đông/Người được ủy quyền có thể thay đổi biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu điện tử cho đến khi Ban tổ chức thông báo hết thời gian biểu quyết.

6.8. **Xác định kết quả biểu quyết**

a) Nguyên tắc xác định kết quả biểu quyết

- (i) Thời gian kết thúc biểu quyết đối với từng nội dung sẽ được xác định theo chương trình họp và phụ thuộc vào diễn biến Đại hội.

Chủ tọa có quyền yêu cầu kết thúc bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống ĐHĐCĐ khi Cổ đông tham dự họp đã hoàn tất biểu quyết hoặc thời hạn khác mà Chủ tọa thấy phù hợp.

Mỗi sự kiện biểu quyết đang diễn ra hoặc kết thúc đều được thông báo trên Hệ thống ĐHĐCĐ để Cổ đông được biết và thực hiện bỏ phiếu.

- (ii) Trường hợp Cổ đông bỏ phiếu điện tử chưa hoàn tất bỏ phiếu do Hệ thống ĐHĐCĐ bị ngắt kết nối hoặc bất kỳ lý do nào khác, thì kết quả biểu quyết vẫn ghi nhận đối với các vấn đề mà Cổ đông đã bỏ phiếu. Các vấn đề chưa bỏ phiếu sẽ ghi nhận là Cổ đông không có ý kiến với vấn đề đó. Cổ đông có thể liên hệ trực tiếp đến Công ty để được hỗ trợ bỏ phiếu bổ sung.

b) Nội dung cần biểu quyết tại cuộc họp

- (i) Thông qua Thành phần Ban kiểm phiếu;
- (ii) Thông qua Chương trình họp;
- (iii) Thông qua Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên;
- (iv) Thông qua Biên bản họp, Nghị quyết;
- (v) Biểu quyết thông qua các Báo cáo và Tờ trình trong chương trình họp;
- (vi) Các nội dung phát sinh khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo kiến nghị của Cổ đông và/hoặc quyết định của HĐQT/Chủ tọa (nếu có).

6.9. **Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ**

- a) Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
- b) Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ sẽ được công bố thông tin và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định.
- c) Các quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị).

7.1. **Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

a) **Nhiệm kỳ, cơ cấu và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị là sáu (6) người. Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị là năm (5) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị không quá năm (5) năm; thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Có tối thiểu hai (2) thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

- (i) Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- + Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - + Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - + Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;
 - + Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
 - + Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.
- (ii) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- + Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - + Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - + Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - + Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - + Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
 - + Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

- (i) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Hội Đồng Quản Trị. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền đề cử một (1) ứng viên Hội Đồng Quản Trị; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử hai (2) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử ba (3) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử bốn (4) ứng

viên; và từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử tối đa sáu (6) ứng viên.

- (ii) Trường hợp số lượng các ứng viên Hội Đồng Quản Trị thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

d) Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- (i) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
- (ii) Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- (i) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - + Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - + Trình độ chuyên môn;
 - + Quá trình công tác;
 - + Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - + Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - + Các thông tin khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - + Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
- (ii) Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

f) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

- (i) Hội Đồng Quản Trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội Đồng Quản Trị để bầu ra Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị. Nếu xét thấy cần thiết, theo đề xuất của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, Hội Đồng Quản Trị có thể bầu một (1) hoặc một số Phó Chủ Tịch từ các thành viên Hội Đồng Quản Trị. Trừ khi Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định khác, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ không kiêm chức Tổng Giám Đốc của Công Ty.
- (ii) Trường hợp cả Chủ Tịch và Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm, Hội Đồng Quản Trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.
- (iii) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

7.2. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

- a) Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- b) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- c) Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- d) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
- e) Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

7.3. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

- a) Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
- b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

Các cuộc họp bất thường: Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty. Ngoài ra, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây có đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận:

- Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người Điều Hành Doanh Nghiệp Khác;

- Một thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

c) Thông báo họp Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ủy ban Kiểm toán

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ủy ban Kiểm toán như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
- Thành viên Ủy ban Kiểm toán có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

e) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

f) Cách thức biểu quyết

- Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - + Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - + Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - + Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - + Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - + Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
- Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

- (i) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- (ii) Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản

j) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các khoản i Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

k) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

- (i) Căn cứ vào các nội dung, quyết định được thông qua của cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký ban hành các văn bản nghị quyết của HĐQT.
- (ii) Các nghị quyết này sẽ được thông tin đến tất cả các thành viên HĐQT.
- (iii) Các nội dung nghị quyết thuộc phạm vi phải công bố thông tin sẽ được công bố thông tin theo quy định pháp luật.

7.4. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- a) Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
- b) Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

7.5. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

- a) Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty do Hội đồng quản trị quyết định. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái các quy định của pháp luật hiện hành về lao động.
- b) Hội Đồng Quản Trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty. Vai trò và nhiệm vụ của Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty bao gồm:
 - (i) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - (ii) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 - (iii) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - (iv) Tham dự các cuộc họp;
 - (v) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - (vi) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;
 - (vii) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
 - (viii) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - (ix) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- c) Thư ký Công Ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
- d) Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 8. Ủy ban Kiểm toán

- 8.1. **Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán, trách nhiệm của thành viên Ủy ban Kiểm toán.**

- a) Giám sát tính trung thực báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty;
- b) Rà soát hệ thống Kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
- c) Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
- d) Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty;
- e) Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
- f) Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
- g) Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty;
- h) Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;
- i) Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán;
- j) Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;
- k) Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro, đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty;
- l) Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- m) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua;
- n) Các quyền và nghĩa vụ khác theo Điều lệ công ty.

8.2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ủy ban Kiểm toán (trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp) bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) **Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ủy ban Kiểm toán**
 Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Trưởng ban Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Số lượng thành viên của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.
- b) **Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ủy ban Kiểm toán**
 Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
- c) Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.
- d) Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
- e) Tiền lương và chi phí hoạt động của Ủy ban kiểm toán, thành viên Ủy ban kiểm toán theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.
- f) Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

Điều 9. Tổng Giám đốc

9.1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

- a) Thực hiện các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công Ty đã được Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
- b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, bao gồm việc thay mặt Công Ty ký kết các hợp đồng mà Công Ty là một bên tham gia, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công Ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- c) Kiến nghị số lượng và các loại Người Quản Lý mà Công Ty cần thuê để Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm; đề xuất để Hội Đồng Quản Trị quyết định mức lương, thù lao và các lợi ích khác của những Người Quản Lý đó;
- d) Tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- e) Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm hoặc một thời hạn khác do Hội Đồng Quản Trị quyết định, Tổng Giám Đốc phải trình Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm;
- f) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công Ty; và
- g) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều Lệ này và các quy chế của Công Ty, các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị và quy định của Pháp Luật.

9.2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

- (i) Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc là không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám Đốc không được phép là những người bị Pháp Luật cấm giữ chức vụ này.
- (ii) Tiêu chuẩn và điều kiện:
 - + Tốt nghiệp đại học trở lên

- + Có trình độ chuyên môn liên quan đến lĩnh vực kinh doanh của Công ty, có năng lực lãnh đạo và thực hiện tốt các công việc được giao.
- + Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.
- + Không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán

b) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

Hội Đồng Quản Trị sẽ bổ nhiệm một thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc một người khác làm Tổng Giám Đốc. Hội Đồng Quản Trị sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, thù lao, trợ cấp và lợi ích của Tổng Giám Đốc phải được báo cáo trong Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính và Báo cáo thường niên của Công Ty.

c) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

Hội Đồng Quản Trị có thể bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm Tổng Giám Đốc khi có đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám Đốc mới thay thế.

d) Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 10. Phối hợp hoạt động

10.1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng Giám đốc

- (i) Tổng Giám đốc là thành viên HĐQT; thủ tục và trình tự mời họp đã được đề cập trong phần triệu tập họp HĐQT.
- (ii) Nội dung họp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc được tích hợp trong chương trình họp HĐQT.

b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ủy ban Kiểm toán

- (i) Chương trình, nội dung các cuộc họp của HĐQT phải được gửi đến thành viên UBKT (nếu được mời họp) cùng thời gian gửi tới các thành viên HĐQT.
- (ii) Các Nghị Quyết của HĐQT được gửi đến UBKT (đồng thời với thời điểm gửi Tổng Giám đốc) trong vòng 7 ngày kể từ ngày xác lập.
- (iii) Đối với đề xuất của UBKT về số lượng thành viên UBKT, HĐQT phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 7 ngày.
- (iv) Đối với đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong vòng 7 ngày.

c) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc

- (i) Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho TGD về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trước ít nhất là 45 ngày.
 - (ii) Đối với việc HĐQT ủy quyền cho người quản lý tại Điều lệ thì: (1) nội dung này phải được thể hiện qua Nghị quyết hoặc văn bản ủy quyền có đa số các chữ ký của thành viên HĐQT; (2) được gửi bản chính đến Tổng Giám Đốc và thông tin đến Thư ký Công ty và (3) đáp ứng các yêu cầu khác của pháp luật về ủy quyền.
 - (iii) Các vấn đề mà HĐQT phải phê duyệt theo đề xuất của Tổng Giám Đốc tại Điều lệ, HĐQT phải phản hồi trong vòng 7 ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận.
- d) Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ủy ban Kiểm toán đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị**
- (i) Xung đột quyền, nghĩa vụ giữa HĐQT và Tổng Giám đốc
 - (ii) Các nội dung vượt thẩm quyền theo ủy quyền của HĐQT đối với Tổng Giám đốc
 - (iii) Các phát sinh trọng yếu trong quá trình thực hiện các Nghị quyết của HĐQT.
- e) Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao**
- (i) Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hoả hoạn, sự cố bất ngờ hoặc một vụ việc thuộc phạm vi điều chỉnh của Chính sách quản lý khủng hoảng ... nhưng phải báo cáo bằng văn bản cho HĐQT trong thời gian sớm nhất có thể và chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ gần nhất về các quyết định đó.
 - (ii) Tổng Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của HĐQT nếu nhận định rằng quyết định này trái pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền lợi của cổ đông. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với HĐQT và UBKT bằng văn bản.
 - (iii) Trước khi thực hiện các nhiệm vụ cần phải có sự phê duyệt của HĐQT được quy định tại Điều lệ, Tổng Giám đốc gửi tờ trình đến HĐQT trước 7 ngày (khuyến khích việc đồng gửi cho UBKT).
 - (iv) Các nội dung quy định khác tại Điều lệ, Tổng Giám đốc phải gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 7 ngày trước ngày nội dung đó phải được quyết định.
 - (v) Đối với việc cho ý kiến về mức lương, lợi ích khác của Người quản lý, Tổng Giám đốc sẽ gửi trước ít nhất là trong vòng 7 ngày.
- f) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc**
- Các nội dung kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc luôn được đề cập trong chương trình họp HĐQT.
- g) Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán**
- (i) Thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty theo đúng quy định của pháp luật.

- (ii) Trưởng các Tiểu ban thuộc HĐQT yêu cầu bằng văn bản, thư điện tử Tổng Giám đốc phải cung cấp đối với các nội dung mà Tiểu ban đã thông qua. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc sẽ phải báo cáo bằng văn bản.

h) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ủy ban Kiểm toán và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

Giữa các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc:

- (i) Thành viên Hội đồng quản trị phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát Tổng giám đốc theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
- (ii) HĐQT không được thành lập bộ máy riêng, khi cần thiết HĐQT sẽ sử dụng nhân sự và trang thiết bị của Công ty để phục vụ công việc của HĐQT, sau khi thông báo cho Tổng Giám đốc Công ty. Thông báo phải được lập bằng văn bản và gửi cho Tổng Giám đốc trước ít nhất 48 giờ.
- (iii) Trong trường hợp cấp thiết, vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ của mình, các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Người Quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty nhưng phải được sự đồng ý của Chủ tịch HĐQT. Yêu cầu phải được lập bằng văn bản và gửi cho Tổng Giám đốc trước ít nhất 24 giờ.
- (iv) HĐQT có trách nhiệm phản hồi các nội dung: kiến nghị về Điều lệ; Quy chế quản trị công ty; cơ cấu tổ chức và số lượng Người quản lý trong thời hạn 15 ngày.
- (v) Các nội dung phê chuẩn giao dịch với Người có liên quan hoặc Giao dịch trọng yếu, HĐQT phải phản hồi bằng văn bản trong thời hạn 7 ngày.
- (vi) Đối với các báo cáo đánh giá Tổng Giám đốc và thành viên Bộ máy quản lý, HĐQT phải gửi bản dự thảo đến các đối tượng trước một thời gian hợp lý.
- (vii) Trong trường hợp cuộc họp của HĐQT có mời thành viên UBKT, thành viên Bộ máy quản lý hoặc bất kỳ cấp quản lý nào thì HĐQT có trách nhiệm gửi thông báo mời họp, nội dung chuẩn bị (nếu có) trước ít nhất 7 ngày (thông qua Thư ký HĐQT).
- (viii) Các nội dung được gửi nhằm để lấy ý kiến của Tổng Giám đốc: mức lương và lợi ích khác của Người quản lý, các nội dung nhân sự... phải được gửi trước ít nhất là 48 giờ.
- (ix) Đối với các chi tiêu, sử dụng chi phí của HĐQT, HĐQT phải có văn bản thuyết minh tính hợp lý khi gửi hồ sơ, chứng từ về Công ty.
- (x) Giữa thành viên UBKT và Tổng Giám đốc: Thành viên UBKT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và Người quản lý khác tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ.
- (xi) Đối với hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc điều hành, căn cứ vào các báo cáo hoạt động thường kỳ và những yêu cầu cung cấp thông tin cá biệt của UBKT, UBKT có quyền đề nghị HĐQT xem xét lại các quyết định của Tổng Giám đốc. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty và có thể gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín của Công ty, UBKT có quyền gửi thông báo đến Tổng giám đốc nhằm mục đích yêu cầu dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó. Trong vòng một (01) giờ kể từ khi gửi yêu cầu, UBKT phải thông báo ý kiến của UBKT với các thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT sẽ ra thông báo về việc ngừng thực hiện các quyết định của Tổng Giám đốc.

- (xii) Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của UBKT phải được gửi đến Công ty trước ít nhất 48 giờ.
- (xiii) Đối với việc sử dụng tư vấn độc lập bên ngoài, UBKT phải thông tin về phạm vi, giá trị và các nội dung trọng yếu khác trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm xác lập dịch vụ đó.

10.2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

a) Đánh giá hoạt động

(i) Hội đồng quản trị:

- + HĐQT thực hiện đánh giá HĐQT kết hợp với đánh giá hoạt động các tiểu ban và đánh giá từng thành viên HĐQT. Việc đánh giá được thực hiện 1 lần/năm.
- + Việc đánh giá được thực hiện thông qua việc tổ chức một cuộc họp đặc biệt của HĐQT để đánh giá công tác của HĐQT hoặc dành thời gian trong một cuộc họp thường kỳ để thực hiện việc đánh giá. Hồ sơ đánh giá sẽ được lưu trữ tại Công ty theo chế độ lưu trữ thông tin bảo mật.
- + Việc đánh giá hoạt động thành viên HĐQT được thực hiện thông qua:
 - o Tự đánh giá bởi bản thân thành viên HĐQT, và
 - o Đánh giá kín lẫn nhau giữa các thành viên HĐQT với sự phối hợp của một bên thứ ba (có thể là cố vấn pháp lý).
- + Căn cứ vào kết quả đánh giá định kỳ về HĐQT và các thành viên của HĐQT được quy định tại Điều này, các chương trình tập huấn, đào tạo sẽ được tổ chức hoặc cung cấp để phát triển kiến thức và kỹ năng của thành viên HĐQT.
- + Các thành viên HĐQT sẽ nỗ lực tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận và các tổ chức uy tín khác.

(ii) Tổng Giám đốc:

- + Tiểu ban Nhân sự và Tiểu ban Lương thưởng xây dựng các tiêu chuẩn và đánh giá hoạt động cho Tổng Giám đốc dưới sự giao phó của Hội đồng quản trị.
- + Việc đánh giá Tổng Giám đốc được thực hiện theo 2 giai đoạn: cá nhân tự đánh giá và Hội đồng quản trị đánh giá.

b) Khen thưởng

- (i) HĐQT giao Tiểu ban Lương thưởng trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động của Quy Chế này.
- (ii) Hình thức khen thưởng:
 - + Bằng tiền;
 - + Bằng hình thức phi vật chất khác.
- (iii) Đối với đối tượng là thành viên HĐQT: thù lao phải được ĐHCĐ phê chuẩn.

(iv) Đối với đối tượng là Tổng Giám đốc, nguồn kinh phí thường được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác, hoặc sẽ được tính vào chi phí trước thuế theo các quy định pháp luật có liên quan. Mức khen thưởng: căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm.

c) Kỷ luật:

- (i) HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.
- (ii) Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng và tròn bổ phận sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.
- (iii) Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của hệ thống kỷ luật và quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Thế Giới Số bao gồm 11 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 04 năm 2026 và thay thế Bản Quy chế nội bộ về quản trị công ty đã thông qua trước đó.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



ĐOÀN HỒNG VIỆT